

Bản án số: 36/2023/HC-PT
Ngày 08/02/2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 744/2022/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 722/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐ-PT ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Quang T; (có mặt)

Địa chỉ: 2xxA L, Tổ 10, Khu phố x, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: 3.09 chung cư P, tổ 7, khu phố 6, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/9/2020, có mặt).

2. Người bị kiện

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2.2 Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 16x T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị kiện:

- Ông Phạm Hoàng Anh T1 - Phó trưởng phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bà Huỳnh Thị Kim O – nhân viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Ngô Văn T2 (Có mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị Tr (Có mặt);

3.3. Bà Lê Thị D (Có mặt);

3.4. Trẻ Ngô Lê Yến N, sinh năm 2004;

3.5. Trẻ Ngô Lê Long N1, sinh năm 2008;

3.6. Trẻ Ngô Lê Yến D, sinh năm 2014;

Người đại diện theo pháp luật của các trẻ N, N1 và D: Ông Ngô Quang T (Có mặt) và Lê Thị D (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 2xxA L, Tổ 10, Khu phố x, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ủy ban nhân dân phường B (nay là Ủy ban nhân dân phường A), thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 1/7 L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Ngô Quang T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại, tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện là ông Ngô Quang T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông T đề nghị tách hồ sơ bồi thường đối với diện tích đất 193,83m² (theo bản vẽ hiện trạng lập ngày 28/5/2007 được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội nghiệp ngày 15/6/2007), diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 2040, tờ bản đồ số 2 xã A, huyện Thủ Đức (theo Tài liệu 299/TTg) tọa lạc tại số 4/7 Lương Định Của, phường B, Quận 2 (nay là phường A, thành phố T) có diện tích 1.327m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ 00177.QSĐĐ/01 do Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) cấp ngày 03/02/2000 cho ông Ngô Văn T2.

Năm 1995, ông T2 và bà Nguyễn Thị Tr (vợ ông T2) tự phân chia cho các con mỗi người một phần diện tích đất thuộc thửa đất nêu trên, trong đó ông T được chia một phần đất có diện tích 250m², trên đất có một căn nhà mái lá, vách lá, nền xi măng (theo giấy tặng cho ngày 18/02/1995). Sau khi Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) thu hồi đất và đo đạc lại thì phần đất này có diện tích là 193,38m². Tại thời điểm được ông T2 và bà Tr tặng cho đất thì ông T mới 14 tuổi

nên cha mẹ ông T để tên ông trong sổ hộ khẩu của chị ruột là bà Ngô Thị Quang Thuận.

Năm 2002, ông T đi nghĩa vụ quân sự nên nhà đất ông giao lại cho cha mẹ ông quản lý.

Ngày 10/5/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị Thủ Thiêm.

Ngày 30/10/2002, tổ công tác phường B bắt đầu điều tra khảo sát khu đất, thời điểm đó ông T đang thực hiện nghĩa vụ quân sự ở đơn vị nên cha mẹ ông T là ông T2 và bà Tr đứng ra khai cho ông phần đất diện tích 250m² mà cha mẹ ông đã cho.

Cuối năm 2003, do căn nhà ông T bị hư hỏng nặng nên ông T2 đã sửa chữa lại căn nhà, sau đó bị Ủy ban nhân dân xã B xử phạt vi phạm hành chính (theo Quyết định số 10982/QĐ-UB-QLĐT ngày 20/11/2003), ông T2 đã đóng tiền phạt theo biên lai số 006531 ngày 25/11/2003.

Năm 2004, ông T hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương lập gia đình, sinh sống ở căn nhà trên phần đất mà cha mẹ ông đã cho từ năm 1995 đến khi bị Nhà nước giải tỏa thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị Thủ Thiêm.

Do nhà đất ông T đang ở bị thu hồi, nhưng Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) chỉ lập hồ sơ bồi thường cho ông T2 mà không tách hồ sơ bồi thường riêng cho ông, nên ông T đã liên tục gửi đơn đề nghị và đơn khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu được tách hồ sơ bồi thường đối với phần đất diện tích 193,38m².

Ngày 05/11/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) có Văn bản số 7755/UBND-BBT về trả lời đơn của ông T, nội dung cho rằng việc ông T kiến nghị giải quyết được lập hồ sơ bồi thường trong dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 18/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) có Văn bản số 2183/UBND-TTr về trả lời đơn của ông T, nội dung cho rằng việc ông yêu cầu tách hồ sơ bồi thường nhà đất diện tích 193,38m² là không có cơ sở.

Không đồng ý với các văn bản trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T), nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hai Văn bản số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008 và số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 và buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xác định gia đình ông (gồm vợ chồng ông và 03 người con) là một hộ riêng có phần diện tích đất 193,38m² đủ điều kiện tách hồ sơ bồi thường.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 và Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) có Văn bản số 3898/UBND-BBT ngày 29/10/2020 trình bày ý kiến như sau:

Vị trí giải tỏa căn nhà (thửa đất) số 4/7, ấp B 1, phường B, Quận 2 (nay thuộc phường A, thành phố T) thuộc một phần thửa 152, tờ bản đồ số 4, phường B,

Quận 2 (nay là thành phố T) (theo tài liệu bản đồ năm 2002) do ông T2 là chủ sử dụng thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UBND ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó diện tích bị giải tỏa là 552,52m², diện tích xây dựng là 258,27m².

Theo Tờ trình nguồn gốc nhà, đất của ông T2 được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận ngày 21/4/2005 với nội dung: *“Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, có nguồn gốc do ông bà để lại sau đó cất nhà là năm 1978 để ở, năm 1992 ông T2 tự sửa chữa thành nhà tường, phần chuồng heo được xây dựng năm 2002, nhà ông T2 đang sử dụng xây dựng năm 2004”*.

Ngày 12/4/2005, Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm lập bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 127A/BK đối với ông T2 như sau:

* Bồi thường về đất:

- Đất ở trước năm 1980: $200\text{m}^2 \times 2.380.000\text{đ/m}^2 = 476.000.000$ đồng.
- Đất ở ngoài hạn mức: $120,967\text{m}^2 \times 2.300.000\text{đ/m}^2 = 278.222.950$ đồng.
- Đất ở xen kẽ đất nông nghiệp: $79,034\text{m}^2 \times 300.000\text{đ/m}^2 = 23.710.050$ đồng
- Đất vườn gò: $11,350\text{m}^2 \times 200.000\text{đ/m}^2 = 2.270.000$ đồng.

* Bồi thường giá trị xây dựng nhà: 83.739.234 đồng.

* Bồi thường về trang thiết bị và vật kiến trúc khác: 7.900.000 đồng.

* Bồi thường về hoa màu và cây ăn trái: 8.703.000 đồng.

* Các khoản hỗ trợ khác: 5.000.000 đồng.

* Về chính sách tái định cư: Hỗ trợ tự lo nơi ở mới, áp dụng đối với trường hợp đủ điều kiện tái định cư nhưng không mua nhà, nền đất tái định cư: $20\% \times (\text{giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất ở}) = 150.844.590$ đồng.

Như vậy, tổng chi phí đền bù đối với trường hợp mua nhà, nền tái định cư hoặc trường hợp không đủ điều kiện tái định cư là 885.545.234 đồng, tổng chi phí đền bù đối với trường hợp đủ điều kiện tái định cư nhưng không mua nhà, nền đất tái định cư là 1.036.389.824 đồng.

Ngày 05/7/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 3631/QĐ-UB về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho ông T2 với số tiền là 885.545.234 đồng.

Ngày 04/01/2008, Ủy ban nhân dân phường B có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 27/UBND-XN đối với ông T2 như sau:

“- Nguồn gốc đất: Đất nông nghiệp một phần đã có Giấy chứng nhận QSDĐ số Q357146 cấp ngày 03/02/2000 diện tích trong giấy chứng nhận là 1.327m² do ông T2 đứng tên (hiện trạng giải tỏa diện tích có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 1.311,02m²); phần diện tích đất còn lại là: 186,61m² đất liền kề với giấy chứng nhận và phần đất thổ mộ không liền kề diện tích là: 156m² chưa có giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do gia đình ông T2 sử dụng từ trước năm 1975.

Tổng diện tích giải tỏa của hộ ông T2 và các hộ nhận chuyển nhượng đất của ông T2 căn cứ bản vẽ hiện trạng ngày 28/5/2007, 08/11/2007 của Công ty Đo đạc địa chính và công trình lập là: $1.704,2m^2$; trong đó diện tích sử dụng của từng hộ là:

1. Phần diện tích đất do ông T2 sử dụng: $552,52m^2$ (trong giấy chứng nhận là: $365,91m^2$, đất liền kề chưa có giấy chứng nhận là: $186,61m^2$).

2. Hộ Nguyễn Thị Huệ: $98,62m^2$ (đã có giấy chứng nhận của ông T2).

3. Hộ Nguyễn Quang: $407,70m^2$ (đã có giấy chứng nhận của ông T2 diện tích: $357,13m^2$).

4. Hộ Vũ Thị Anh: $260,36m^2$ (đã có giấy chứng nhận của ông T2).

5. Hộ Ngô Thị Quang Thuận: $385m^2$; trong đó có $156m^2$ đất thổ mộ, phần diện tích còn lại $229m^2$ (đã có giấy chứng nhận của ông T2).

- Nguồn gốc nhà: Nhà do ông T2 tự xây dựng và sử dụng từ năm 1978, đến năm 1992 ông T2 tự sửa chữa và xây dựng lại căn nhà trên như hiện trạng sử dụng, không có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, có kê khai nhà, đất theo chỉ thị 3376 năm 1999. Hiện trạng nhà, đất do ông T2 sử dụng ổn định, không lấn chiếm chưa phát hiện tranh chấp”.

Ngày 14/3/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm đã lập bảng chiết tính điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 127A/BCTĐC-BK đối với ông T2 như sau:

* Bồi thường về đất:

- Đất ở sử dụng trước năm 1980: $200m^2 \times 2.380.000đ/m^2 = 476.000.000$ đồng.

- Đất ở ngoài hạn mức: $58,27m^2 \times 2.300.000đ/m^2 = 134.021.000$ đồng.

- Đất nông nghiệp xen kẽ đất ở: $141,73m^2 \times 300.000đ/m^2 = 42.519.000$ đồng.

- Đất nông nghiệp đã san lấp (đất vườn): $152,52m^2 \times 200.000đ/m^2 = 30.504.000$ đồng.

* Bồi thường giá trị xây dựng nhà: 28.232.600 đồng.

* Bồi thường về trang thiết bị và vật kiến trúc khác: 7.900.000 đồng.

* Bồi thường về hoa màu và cây ăn trái: 8.703.000 đồng.

* Các khoản hỗ trợ khác: 5.000.000 đồng.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phải thu hồi là 52.665.634 đồng;
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là: 832.879.600 đồng.

Ngày 18/3/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 3631/QĐ-UB ngày 05/7/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông T2 với số tiền là 832.879.600 đồng.

Thực hiện theo Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002.

Ngày 14/3/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm đã ký bảng chiết tính bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 127A/BCTBS-BK đối với ông T2 như sau:

1. Các khoản bồi thường, hỗ trợ bổ sung khác:

- Đất nông nghiệp xen kẽ trong khuôn viên đất ở (theo Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006): $141,73\text{m}^2 \times 2.380.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 101.195.220$ đồng.

- Khấu trừ số tiền đất nông nghiệp xen kẽ đã chiết tính (theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002): $141,73\text{m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\% = 42.519.000$ đồng.

2. Chính sách tái định cư và hỗ trợ tái định cư:

- Đối với đất ở: Đủ điều kiện tái định cư bằng nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư.

+ Trường hợp tái định cư: Diện tích tiêu chuẩn nền đất hoặc căn hộ chung cư được hưởng từ chính sách tái định cư là 200m^2 (diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định).

+ Trường hợp không nhận nền đất hoặc căn hộ chung cư thì được hỗ trợ bằng tiền: $200\text{m}^2 \times 4.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 800.000.000$ đồng.

- Đối với đất nông nghiệp: Diện tích tiêu chuẩn được hưởng từ chính sách mua căn hộ chung cư cụ thể như sau: $152,52\text{m}^2 \times 4,5\% = 6,863\text{m}^2$. Không đủ điều kiện tái định cư.

Trường hợp không đủ điều kiện tái định cư thì được hỗ trợ bằng tiền: $6,863\text{m}^2 \times 4.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 27.452.000$ đồng.

* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung:

1. Trường hợp hộ gia đình nhận tái định cư đối với đất ở, số tiền được nhận là: 86.128.220 đồng. Được bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn là 200m^2 (Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định).

2. Trường hợp hộ gia đình không đăng ký tái định cư mà nhận toàn bộ số tiền hỗ trợ từ chính sách tái định cư là 886.128.220 đồng.

Ngày 18/3/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 2128A/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung đối với ông T2 số tiền là 886.128.220 đồng.

Ngày 02/5/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 3228/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 3631/QĐ-UB ngày 05/7/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) về hủy bỏ phần “Căn cứ Biên bản tiếp xúc giữa Tổ công tác bồi thường - GPMB của dự án với chủ sử dụng vào các ngày 26/4/2005, 10/5/2005 và 27/6/2005” tại dòng thứ 18, 19 của Quyết định 3631/QĐ-UB ngày 05/7/2005.

Ngày 27/5/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 3979/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với ông T2.

Ngày 26/8/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6575/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2128A/QĐ-UBND ngày 18/3/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) với tổng giá trị hỗ trợ thiệt hại bổ sung là 86.128.220 đồng, giao Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Thủ Thiêm chịu trách nhiệm thu hồi số tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung 800.000.000 đồng đã được gửi vào ngân hàng đối với ông T2 chủ sử dụng căn nhà 4/7, ấp B 1, phường B, Quận 2 (nay là thành phố T), lãi suất theo quy định. Do trước đây ông T2 không đồng ý phương án bồi thường, nay ông T2 đồng ý bàn giao mặt bằng và chọn phương thức tái định cư.

- Về tái định cư: Được bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư với diện tích không quá 200m² theo quy định.

- Khi bố trí nền đất hoặc căn hộ chung cư, cụ thể theo thiết kế quy hoạch được duyệt sẽ được tính bù trừ phần diện tích chênh lệch theo quy định.

Ngày 10/7/2008 và ngày 28/7/2008, Tổ công tác phường B lập Biên bản xác minh về vật kiến trúc và hoa màu tại vị trí giải tỏa số 4/7, ấp B 1, phường B, Quận 2 (nay là thành phố T).

Ngày 26/8/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6576/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung cho ông T2 số tiền là 99.708.400 đồng (đính kèm Bảng chiết tính số 127A/BCTBS1-BK ngày 16/8/2008).

Ngày 26/8/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6577/QĐ-UBND về việc thưởng do ông T2 chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường với số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 7084/QĐ-UBND về việc bố trí tái định cư nền đất đối với ông T2.

Căn cứ Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất để xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, theo đó vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002.

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại; Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002; Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 về bồi thường hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008, Công văn số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 và buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xác định gia đình ông T là một hộ riêng có phần diện tích đất 193,38m² là không có cơ sở giải quyết, bởi:

Tại vị trí giải tỏa ông T đề nghị tách hồ sơ có diện tích 193,38m² (theo bản vẽ hiện trạng lập ngày 28/5/2007 được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội nghiệp ngày 15/6/2007) thuộc một phần thửa 152, tờ bản đồ số 4, phường B, Quận 2 (nay là thành phố T) với kết cấu: Cột gạch, tường gạch, nền gạch men, mái tole do ông T2 xây dựng không phép, ngày 20/11/2003 Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 10982/QĐ-UBND-QLĐT về xử phạt vi phạm hành chính. Trong diện tích 193,38m² có diện tích 179,63m² đã được Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số Q357146 ngày 03/02/2000 cho ông T2, mục đích sử dụng: Đất ao.

Theo tường trình của ông T thì nhà, đất ông được cha mẹ cho từ năm 1995. Qua kiểm tra, ông T sinh ngày 23/7/1981, khi đó ông T chưa đủ 18 tuổi. Đồng thời, năm 2000 Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho ông T2, năm 2003 ông T2 xây dựng nhà không phép và bị xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ theo quy định tại Điểm b.4, Mục b, khoản 3, Điều 3 tại Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2 (nay là thành phố T) đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 và Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quy định:

“b.4- Các trường hợp cha - mẹ - ông - bà tặng, cho nhà ở, đất ở cho con cháu khi các con - cháu đã trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên tại thời điểm cho nhà, đất) trước ngày 20/12/2001 (ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chỉ thị số 34/2001/CT-UB) đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm và trước ngày 22/4/2002 (đối với các khu quy hoạch tái định cư): người tặng cho nhà, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, có đăng ký kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999; người được tương phân nhà, đất phải là con - cháu của chủ hộ, có tên trong hộ khẩu thường trú của cha - mẹ - ông - bà hoặc hộ ghép từ trước thời điểm tương phân, có nhà trên đất được cho và thực tế sống trên đó, cam kết không có tranh chấp với những người có quyền lợi liên quan và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận thì được tách hồ sơ để tính bồi thường, hỗ trợ đất. Diện tích đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ là phần diện tích xây dựng nhà và công trình phục vụ đời sống theo thực tế nhưng không quá hạn mức 200m²/hộ”.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) ban hành các quyết định và các công văn nêu trên đối với ông T2 là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật, nên vẫn giữ nguyên các Quyết định và các công văn nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T2; bà Nguyễn Thị Tr; bà Lê Thị D; các trẻ Ngô Lê Yên N, Ngô Lê Long N1, Ngô Lê Yên D có người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Quang T và bà Lê Thị D đều có cùng ý kiến với người khởi kiện ông Ngô Quang T

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B, Quận 2 (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T) không có ý kiến

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 722/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã áp dụng: Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng Hành Chính; Khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang T về:

- Yêu cầu hủy hai Văn bản số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008 và Văn bản số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T).

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xác định gia đình ông (gồm vợ chồng ông và 03 người con) là một hộ riêng có phần diện tích đất 193,38m² đủ điều kiện tách hồ sơ để được bồi thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ngô Quang T có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo cho rằng, phần đất này đã được cha mẹ tặng cho do không am hiểu pháp luật và còn nhỏ nên không tách quyền sử dụng đất, không có căn cứ cha mẹ cho con phải làm các thủ tục pháp lý.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện trình bày: Căn cứ yêu cầu khởi kiện không đủ điều kiện để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng đối với căn nhà ông T theo tài liệu năm 2003 ông T xây dựng mới và đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T2 cho rằng năm 1995 vợ chồng tương phân chia đất cho các con trong đó có ông T, có làm giấy tay. Do bận buôn bán, không am hiểu pháp luật nên cho đến thời điểm nhà nước thu hồi vẫn không tách quyền sử dụng đất cho ông T. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 6 năm 2022 ông Ngô Quang T là người khởi kiện làm Đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các

Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tổ tụng Hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang T thì vụ án có quan hệ tranh chấp “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, thấy rằng:

[3.1] Văn bản số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008 và Văn bản số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T) ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Ông T đề nghị được tách hồ sơ bồi thường riêng cho hộ của ông (gồm vợ chồng ông và 03 người con) đối với diện tích đất 193,83m² (theo bản vẽ hiện trạng lập ngày 28/5/2007 được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội nghiệp ngày 15/6/2007).

Phần diện tích đất yêu cầu thuộc một phần thửa đất số 2040, tờ bản đồ số 2 xã A, huyện Thủ Đức (theo Tài liệu 299/TTg) tọa lạc tại số 4/7 Lương Định Của, phường B, Quận 2 (nay là phường A, thành phố T) có diện tích 1.327m² đã được Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00177.QSDĐ/01 cho ông Ngô Văn T2 ngày 03/02/2000.

[3.2.2] Ông T cho rằng ông đã được cha mẹ là ông T2 và bà Tr tặng cho nhà ở, đất ở bằng giấy tay ngày 18/02/1995 với diện tích 250m². Tuy nhiên, giấy tặng cho chỉ là giấy tay không có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991. Tại thời điểm tặng cho (năm 1995), ông T 14 tuổi nên không đủ tuổi để tham gia giao dịch hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Hợp đồng dân sự năm 1991.

[3.2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, ông T2 đều trình bày việc cho đất năm 1995 là trong nội bộ gia đình, không am hiểu pháp luật nên không làm thủ tục tách thửa. Tuy nhiên, trước khi có quyết định thu hồi đất (năm 2002) ông T đã trên 18 tuổi, ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2000), nhưng các bên vẫn không hoàn tất hợp đồng tặng cho nhà ở, đất ở về mặt nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở để xem xét.

Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) căn cứ theo quy định tại Điểm b.4, Mục b, khoản 3, Điều 3 tại Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về bồi

thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu phục vụ tái định cư tại Quận 2 (nay là thành phố T) đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 123/2006/QĐ- UBND ngày 16/8/2006 và Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy hai Văn bản số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008 và số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T) và buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xác định gia đình ông (gồm vợ chồng ông và 03 người con) là một hộ riêng có phần diện tích đất 193,38m² đủ điều kiện tách hồ sơ bồi thường là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Ngô Quang T phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Quang T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 722/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng Hành Chính; Khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang T về:

1.1. Yêu cầu hủy hai Văn bản số 7755/UBND-BBT ngày 05/11/2008 và Văn bản số 2183/UBND-TTr ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T).

1.2. Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố T) xác định gia đình ông (gồm vợ chồng ông và 03 người con) là một hộ riêng có phần diện tích đất 193,38m² đủ điều kiện tách hồ sơ để được bồi thường.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ngô Quang T chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002333 ngày 11/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ngô Quang T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ Tâm Tú